

Số: 66/2019/QĐST – HNGĐ

Phổ Yên, ngày 11 tháng 4 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 75/2019/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Xóm Chùa 2, xã ĐS, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Lê Văn N, sinh năm 1976;

Hộ khẩu thường trú: Tổ 20 – KV5 – ThX, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chỗ ở hiện nay: Xóm Đài 1, xã ĐS, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2019;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị D và anh Lê Văn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Lê Văn N xác định

tình cảm vợ chồng không còn, nên nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Lê Văn N đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Lê Nguyên Nh, sinh ngày 20/6/2003 và Lê Nhật L, sinh ngày 21/01/2009.

Chị D anh N thống nhất thỏa thuận: Giao cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Nhật L, sinh ngày 21/01/2009. Giao cho anh Lê Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Nguyên Nh, sinh ngày 20/6/2003. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào và được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp cần thiết, vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Tài sản chung: Không có.

2.4. Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D nhận nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009937 ngày 13/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã PY. Trả lại cho chị Nguyễn Thị D 150.000đ tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã PY;
- Tòa án nhân dân tỉnh TN;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã PY;
- UBND xã ĐS;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hà Thị Thu Thủy